

Thứ năm, ngày 15 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Ngược dòng ngoạn mục

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 16/8/2019		•	
Tuần 12/8-16/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Ngay khi mở cửa, VN-Index đã chìm trong sắc đỏ khi lực đỡ yếu ớt của bộ đôi VIC, VHM cùng với REE không thể trì hoãn được đà lao dốc của các mã bluechips ngành Dầu khí như GAS, PLX. Đến phiên chiều, đà giảm được thu hẹp và chỉ số quay đầu tăng điểm ấn tượng nhờ sự bứt phá của các mã VCB, VIC, VNM. Thị trường có phiên giao dịch đi ngược với xu hướng chung trong khu vực lẫn thế giới. Sự rung lắc mạnh của VN-Index trong phiên hôm nay chủ yếu đến từ tín hiệu tiêu cực về sự đảo chiều của đường cong lợi suất giữa trái phiếu chính phủ Mỹ kỳ hạn 2 năm và 10 năm cũng như kì đáo hạn của hợp đồng tương lai VN30F1908.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL cũng biến động mạnh theo diễn biến của chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, hầu hết các hợp đồng đều tăng điểm. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng trung hạn và dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 15/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến trái chiều trong khi hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch giảm. HPG có phiên điều chỉnh giảm. Tuy nhiên, các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng hồi phục trong ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng cho nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là cổ phiếu này trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam +1.5%. Danh mục MSCI frontier 100 Việt Nam hôm nay có hiệu suất ấn tượng +1.5%, so với mức tăng +1.1% của VNINDEX. Ngược lại, danh mục Dầu khí giảm nhẹ -0.6% trước biến động khó lường của giá dầu.

Phân tích kỹ thuật: GMD_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+10.47 điểm**, đóng cửa 979.38. HNX-Index **-0.31 điểm**, đóng cửa 101.98.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.03); VIC (+2.39); VNM (+1.72); SAB (+1.54); VHM (+0.98)**.
- Kéo chỉ số giảm: **PLX (-0.30); HVN (-0.24); VJC (-0.20); HPG (-0.15); CTG (-0.11)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,795.85 tỷ đồng**, **+4.12%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 23.62 điểm. Thị trường có 141 mã tăng và 171 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **65.13 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **HPG (46.77 tỷ), VJC (38.72 tỷ) và VRE (8.67 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **9.70 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 979.38Giá trị: 2795.85 tỷ **10.47 (1.08%)**

Khối ngoại (ròng): -65.13 tỷ

HNX-INDEX 101.66Giá trị: 317.49 tỷ **-0.32 (-0.31%)**

Khối ngoại (ròng): -9.7 tỷ

UPCOM-INDEX 57.35Giá trị: 350.04 tỷ **0.21 (0.37%)**

Khối ngoại(ròng): 8.96 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	54.7	-0.96%
Giá vàng	1,520	0.21%
Tỷ giá USD/VND	23,208	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,848	-0.36%
Tỷ giá JPY/VND	21,920	0.03%
LS liên NH 1 tháng	3.4%	7.80%
LS TPCP 5 năm	3.4%	-4.23%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HDB	10.7	VJC	78.2
MSN	6.1	STB	23.7
CTG	5.5	VPI	22.3
BVH	4.1	HPG	18.1
GEX	3.6	VIC	15.3

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Vận động ngành	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
i-INVEST	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_MSCI frontier 100 Việt Nam_+1.5%

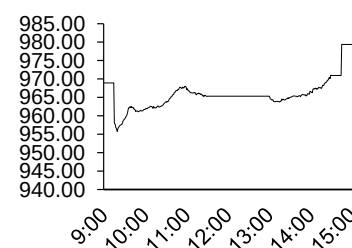
Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.5%	0.2%	-0.4%	-2.4%	1.5%	3.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.5%	3.1%	1.7%	3.2%	2.9%	4.1%
Ngân hàng	1.1%	1.8%	0.2%	4.3%	3.6%	-0.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	3.2%	5.1%	8.0%	7.8%	7.5%
BDS & Khu công nghiệp	0.6%	2.2%	0.7%	1.7%	3.5%	3.0%
Hàng tiêu dùng	0.6%	2.3%	4.8%	5.9%	9.0%	13.4%
Chiến tranh thương mại	0.5%	-1.4%	-3.8%	-0.8%	0.9%	14.9%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	1.2%	-4.8%	-5.5%	-1.0%	-2.4%
Nước & Năng lượng	0.0%	0.2%	-4.6%	-3.5%	0.4%	14.1%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	-2.2%	-3.8%	-2.2%	4.6%	18.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.3%	0.4%	-2.9%	-4.2%	-2.2%	-3.6%
Xây dựng	-0.4%	0.3%	-5.1%	-7.0%	-9.2%	-11.7%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	0.1%	-1.4%	0.1%	4.4%	10.7%
Dầu khí	-0.6%	-1.6%	-5.6%	-8.0%	3.7%	6.4%
VNINDEX	1.1%	0.4%	-0.3%	0.3%	3.0%	1.9%
VN30INDEX	1.2%	1.7%	2.0%	-0.1%	-0.8%	-7.7%

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

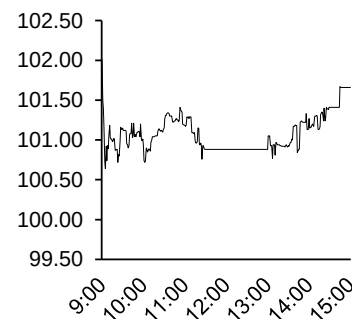
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

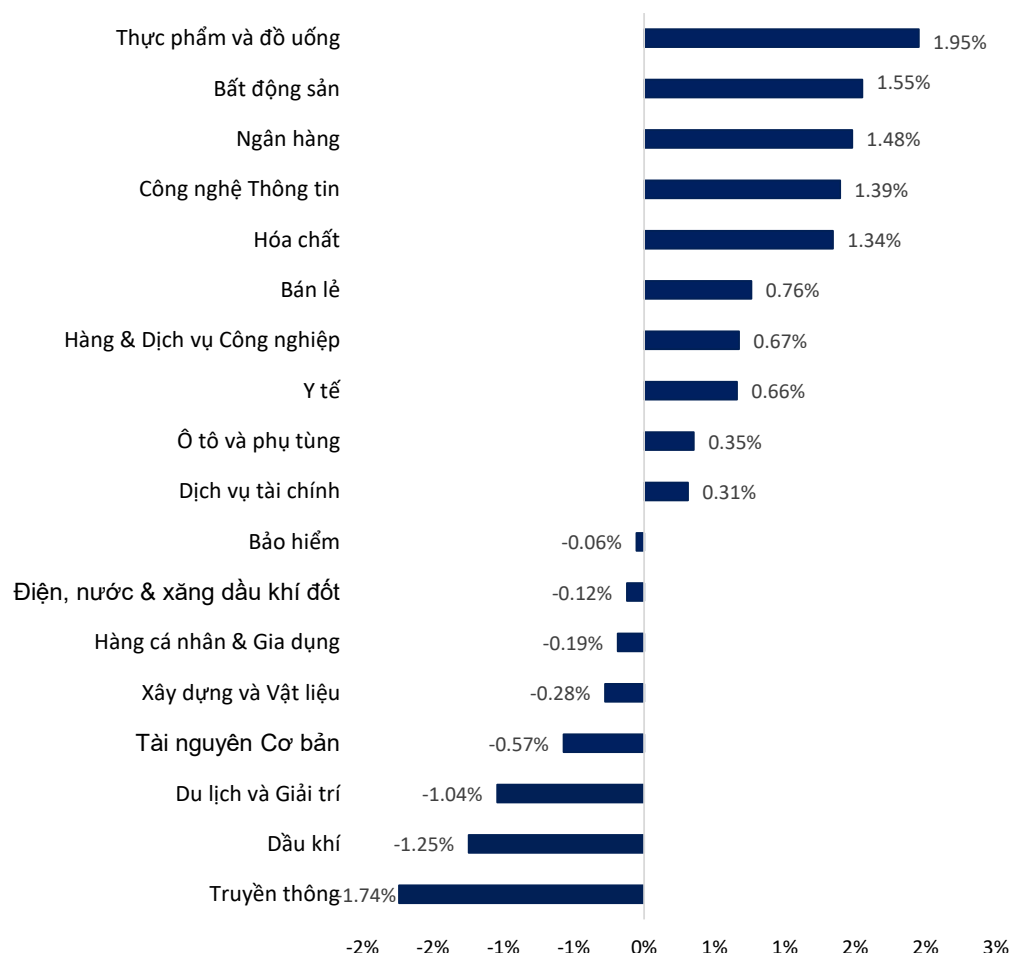
Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Vận động nhóm ngành trong phiên



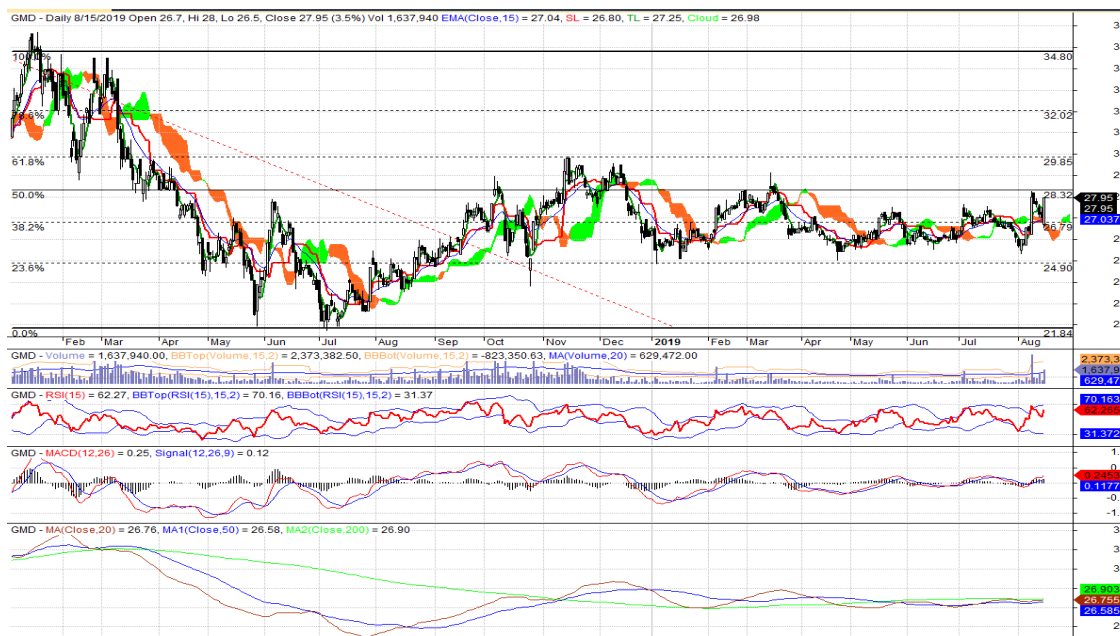
Phân tích kỹ thuật

GMD_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ trung tính, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.
- Đường MAs: 3 đường MA nằm trong xu hướng tăng.

Nhận định: Cổ phiếu GMD đã hình thành phiên tăng giá khá tích cực trong phiên hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu vượt xa ngưỡng trung bình 20 phiên đồng thuận với bước giá tăng của cổ phiếu. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều cho thấy tín hiệu tích cực. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên dải mây Ichimoku và 3 đường MA cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn khá vững chắc. Như vậy, GMD sẽ tăng trở lại và kiểm tra vùng giá 31-32 trong các phiên giao dịch tới.



Phân Tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL).

Luận điểm đầu tư: Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.

Rủi ro Đầu tư: Cạnh tranh khốc liệt các cảng ở khu vực cảng Hải Phòng. Cảng Nam Hải nằm sâu trên thượng nguồn sông Cấm khó cho tàu hàng vào. Dự án Gemalink phải vay 220 triệu USD nên áp lực lãi vay cao trong 1 - 2 năm đầu hoạt động khi sản lượng hàng hóa chưa đạt được điểm hòa vốn.

Cập nhật KQKD

GMD KQKD DT 1H2019 đạt 1,297 tỷ (-0.1% yoy) và LNST đạt 347.8 tỷ đồng (-77.6% yoy, nếu loại trừ lợi nhuận bất thường trong Q2/18 là 1,519.9 tỷ đồng thì LNST tăng hơn +40% yoy. Chúng tôi lưu ý cảng Nam Đình Vũ hiện đang có phục vụ 5 chuyến/ tuần, trong tháng 8 sẽ tiếp nhận thêm 2 chuyến tàu mới nâng số chuyến lên 7 chuyến/ tuần. Vì thế cảng Nam Đình Vũ dự kiến sẽ đạt sản lượng từ 382-400 ngàn TEUs trong cuối năm 2019 vượt kế hoạch đề ra 16%-21%. Bên cạnh đó, cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 2 sẽ tiếp tục được xây dựng trong 2H2019 và hoàn thành vào năm Q3/2020.

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 15/08/2019

*Mặt hàng	DVT	Sáng 15/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	54.81	-4.08%	7.22%	-8.06%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	58.98	-3.80%	4.87%	-11.30%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.66	-4.26%	2.46%	-14.00%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1521.68	1.22%	1.22%	7.46%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.26	1.69%	0.77%	12.07%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	859.39	-1.29%	1.25%	-4.70%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	473.98	0.53%	-2.92%	-6.65%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.62	0.11%	0.69%	1.67%	VNM, GTN, QNS	KDC
Cao su	JPY/kg	188.90	-0.58%	-2.23%	-18.05%	DPR, PHR, HAG, HNG	SRC, CSM, DRC
Đường	US cent/lb	11.61	-0.94%	2.38%	-3.73%	SBT, LSS, SLS, QNS,	VNM, GTN, QNS
Chè	USD/kg	2.75	0.00%	-1.08%	30.95%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	94.45	-1.97%	-2.53%	-13.19%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.58	-1.41%	0.63%	-4.67%	MSN, ACM, BGM	CAV. SAM, TGP, VTH
Thép	CNY/ton	3766.00	-0.48%	-0.95%	0.43%	HSG, HPG, NKG	PC1. CTD, HBC
Nhôm	USD/ton	1785.00	0.85%	1.48%	-3.09%		CAV. SAM, TGP, VTH
Quặng sắt	USD/ton	91.00	0.00%	-10.34%	-24.79%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Than đá	USD/ton	71.10	-1.46%	-2.34%	-4.98%	HSG, HPG, NKG	HSG, HPG, NKG

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 13/08 giảm 3%, tương đương 1.82 USD, còn 59.48 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 giảm 1.87 USD tương đương 3.3% còn 55.23 USD/thùng.
- Giá dầu giảm 3% do các số liệu cho thấy kinh tế Trung Quốc và châu Âu suy thoái, gây lo ngại về nhu cầu dầu toàn cầu trong khi tồn kho dầu thô của Mỹ tăng bất ngờ trong 2 tuần liên tiếp.
- Nhiều dấu hiệu cho thấy kinh tế toàn cầu đang giảm tốc mạnh. Tăng trưởng sản xuất công nghiệp của Trung Quốc trong tháng 7 đã xuống mức thấp nhất hơn 17 năm do tác động của cuộc chiến thương mại Mỹ- Trung gia tăng.
- GDP của khu vực đồng euro hầu như không tăng trong quý 2/2019. Suy thoái kinh tế toàn cầu, được khuếch đại bởi xung đột thuế quan và sự không chắc chắn đối với Brexit, đang tấn công các nền kinh tế châu Âu. Xuất khẩu sụt giảm đã khiến nền kinh tế của Đức đảo chiều đi xuống trong quý 2.

Giá vàng

- Vàng giao ngay tăng 1.1% lên 1,517.88 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2019 của Mỹ tăng 0.9% đạt 1,527.80 USD/ounce.
- Vàng đảo chiều tăng hơn 1% do đường cong lãi suất trái phiếu kho bạc của Mỹ lần đầu tiên đảo ngược kể từ năm 2007 và kinh tế khu vực đồng euro yếu đã làm dấy lên lo ngại về suy thoái kinh tế toàn cầu, đẩy các nhà đầu tư mua vàng tích trữ và thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh.

Giá thép

- Giá thép thanh cốt thép trên Sàn Thương Hải giao tháng 10, đã tăng 1.8% lên 3,740 CNY(535.30 USD)/tấn, mức cao nhất trong gần một tuần. Giá thép cuộn cán nóng tăng 1.5% lên 3,732 CNY/tấn, ngày tăng thứ 3 liên tiếp. Giá thép kỳ hạn tại Trung Quốc tiếp tục tăng cao do một số lượng lớn các nhà sản xuất thép đã quyết định giảm sản lượng với nỗ lực hỗ trợ xu hướng giá yếu trong những tuần gần đây do nhu cầu yếu và tồn kho cao.

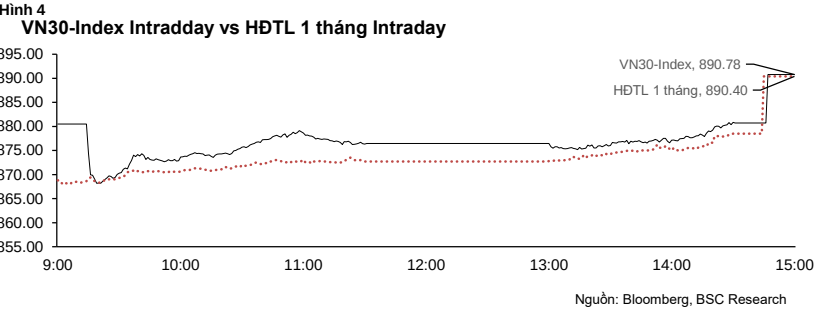
Giá nông sản

- Giá cà phê arabica giao tháng 12/2019 đã giảm 1.8 cent, tương đương 1.8%, xuống còn 0.979 USD/lb. Giá cà phê Robusta giao tháng 11/2019 đã tăng 6 USD, tương đương 0.5%, đạt 1,338 USD/tấn. Đồng nội tệ Brazil giảm mạnh so với đồng bạc xanh do chịu áp lực từ cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Argentina, đã khuyến khích các nhà sản xuất bán cà phê tính theo USD.

Giá cao su

- Tại Sở giao dịch hàng hóa Tokyo (TOCOM), giá cao su ngày 14/08/2019 kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 2 JPY, tương đương 1.2%, đạt 168.6 JPY(1.58 USD)/kg. Trên sàn Thương Hải, cao su kỳ hạn tháng 9/2019 tăng 100 CNY đạt 11,525 CNY(1,643 USD)/tấn. Giá cao su kỳ hạn tại Tokyo đã tăng lên do các nhà đầu tư tăng cường mua vào sau khi Mỹ cho biết sẽ trì hoãn đánh thuế quan đối với một số sản phẩm của Trung Quốc, làm giảm nỗi lo về nhu cầu tiêu thụ từ Trung Quốc.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	890.40	1.46%	-0.38	-23.6%	29669	8/15/2019	0
VN30F1909	877.00	0.70%	-13.78	137.3%	53379	9/19/2019	35
VN30F1912	872.00	0.00%	-18.78	175.8%	273	12/19/2019	126
VN30F2003	874.00	0.29%	-16.78	67.5%	67	3/19/2020	217

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 10.27 điểm lên mức 890.78 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VNM, VIC, EIB, VCB, và NLG tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 có phiên biến động mạnh, giảm mạnh ở đầu phiên nhưng phục hồi mạnh mẽ và kết thúc phiên tiếp cận ngưỡng kháng cự 890 điểm. Các chỉ báo kỹ thuật cũng cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn và có thể hướng tới các ngưỡng kháng cự tiếp theo ở 895 và 905 điểm.
- Các HDTL cũng biến động mạnh theo diễn biến của chỉ số cơ sở. Kết thúc phiên, hầu hết các hợp đồng đều tăng điểm. Xét về khối lượng giao dịch và vị thế mở, ngoại trừ VN30F1908, các hợp đồng còn lại đều đang tăng. Điều này cho thấy kỳ vọng tăng giá đang tăng trong trung hạn và dài hạn. VN30F1908 đáo hạn ngày hôm nay 15/08. Hợp đồng này tăng mạnh về cuối phiên theo đà tăng của VN30. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 880 điểm cho các hợp đồng trung hạn và dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)
CMWG1902	VND	12/11/2019	118	4:1	1,330	-11.3%	2,400,000
CMWG1904	SSI	12/30/2019	137	1:1	55,880	131.8%	1,000,000
CMBB1902	HSC	12/17/2019	124	1:1	76,530	135.3%	1,000,000
CFPT1902	SSI	9/30/2019	46	1:1	78,240	-33.8%	1,000,000
CMBB1901	SSI	9/28/2019	44	1:1	105,720	-45.4%	3,000,000
CMWG1901	BSC	9/9/2019	25	4:1	65,410	84.5%	1,000,000
CFPT1903	SSI	12/30/2019	137	1:1	20,900	-48.1%	2,000,000
CFPT1901	VND	9/11/2019	27	2:1	77,320	-55.9%	2,000,000
CMWG1903	HSC	12/30/2019	137	5:1	235,720	-45.0%	2,000,000
CHPG1905	SSI	12/30/2019	137	1:1	42,980	15.7%	1,000,000
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	28	2:1	38,400	-45.2%	1,500,000
CHPG1901	MBS	9/10/2019	26	2:1	95,390	28.9%	2,000,000
CHPG1904	SSI	9/30/2019	46	1:1	107,780	-38.1%	1,000,000
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	26	5:1	80,510	48.8%	1,000,000
CVNM1901	KIS	12/13/2019	120	10:1	296,430	-51.9%	5,000,000
CHPG1902	KIS	12/11/2019	118	5:1	464,410	166.9%	3,000,000

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes**
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%**
- Độ lệch chuẩn là 28.77%**
- ** Tỷ lệ chuyển đổi**

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 15/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến trái chiều trong khi hầu hết chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch giảm.
- CHPG1904 và CPNJ1905 tăng giá nhiều nhất lần lượt là 17.92% và 7.53%. Trong khi đó, CMBB1902 và CMWG1902 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 3.23% và 2.50%. Thanh khoản thị trường giảm 18.08%, CHPG1902 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 25% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là MWG và FPT, các chứng quyền khác duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1901 và CMWG1902 là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Trong khi đó, CMWG1904 và CMWG1901 là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. HPG có phiên điều chỉnh giảm. Tuy nhiên, các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy xu hướng hồi phục trong ngắn hạn, và sẽ tạo động lực tăng cho nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là cổ phiếu này trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	122.00	2.78	2.33
VIC	121.00	2.02	1.41
EIB	18.00	5.26	1.31
VCB	79.00	3.54	1.12
NVL	61.90	2.82	0.88

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VJC	130.3	-0.99	-0.49
HPG	23.3	-0.85	-0.46
FPT	53.0	-0.38	-0.15
ROS	26.4	-1.12	-0.07
CTG	20.4	-0.49	-0.04

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,200	2,500	17.92%	1,131
1,700	3,140	7.53%	1,636
6,000	11,300	4.15%	8,032
2,700	6,300	2.27%	5,349
3,800	8,000	1.27%	7,291
3,300	3,850	0.79%	1,973
2,000	8,000	0.63%	7,997
1,200	1,190	0.00%	484
1,000	530	0.00%	0
1,900	4,100	-0.24%	4,079
1,500	950	-1.04%	418
1,900	2,690	-1.10%	1,844
14,000	34,500	-1.34%	31,627
1,200	720	-1.37%	17
2,990	9,750	-2.50%	7,848
3,200	3,300	-3.23%	1,560

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	120,000
CHPG1901	47,999	22,900	23,250
CHPG1902	168,888	41,999	23,250
CHPG1903	22,100	23,200	23,250
CMBB1901	23,700	20,600	22,300
CMBB1902	26,300	21,800	22,300
CMWG1902	48,990	90,000	120,000
CPNJ1901	26,300	77,981	86,600
CVNM1901	47,200	158,888	122,000
CFPT1902	96,981	46,000	53,000
CFPT1903	57,000	46,000	53,000
CHPG1904	98,800	23,100	23,250
CHPG1905	93,300	23,100	23,250
CMWG1903	25,800	95,000	120,000
CMWG1904	165,000	90,000	120,000
CFPT1901	27,000	45,000	53,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	120.0	0.9%	0.7	2,310	4.8	7,893	15.2	5.1	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	86.6	1.1%	1.0	838	3.3	4,727	18.3	4.7	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	78.4	-0.1%	1.3	2,389	0.3	1,503	52.2	3.6	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	39.8	1.0%	0.7	400	1.0	3,061	13.0	1.4	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	121.0	2.0%	1.1	17,603	1.7	1,673	72.3	4.9	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	35.4	2.0%	1.1	3,584	1.9	1,033	34.3	2.9	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	61.9	2.8%	0.8	2,504	1.6	3,579	17.3	2.8	7.2%	17.8%
REE	Bất động sản	36.6	1.8%	1.0	493	6.2	5,261	6.9	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	13.8	0.0%	1.4	312	0.6	2,944	4.7	1.1	48.1%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.9	0.2%	1.3	484	2.1	1,997	10.9	1.2	58.4%	10.9%
VCI	Chứng khoán	34.4	2.7%	1.0	244	0.1	5,067	6.8	1.5	37.4%	24.7%
HCM	Chứng khoán	19.6	-1.3%	1.4	260	0.5	1,434	13.6	1.4	56.3%	11.1%
FPT	Công nghệ	53.0	1.5%	0.8	1,563	5.0	4,349	12.2	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.0	2.3%	0.4	476	0.0	3,778	11.6	2.9	0.2%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.9	0.0%	1.5	8,396	1.2	6,019	16.8	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.5	-1.4%	1.5	3,131	1.2	3,271	18.8	3.6	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.3	-0.5%	1.7	422	2.1	2,351	8.6	0.8	24.0%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.6	-2.0%	0.8	1,294	0.6	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.0	0.8%	0.5	540	0.0	4,602	20.6	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.9	0.0%	0.7	236	0.2	838	16.5	0.7	19.9%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.2	1.5%	0.7	189	0.1	894	9.2	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	79.0	3.5%	1.3	12,739	1.7	4,730	16.7	3.8	23.9%	25.4%
BID	Ngân hàng	35.1	0.0%	1.5	5,217	0.8	2,107	16.7	2.2	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.4	-0.5%	1.6	3,302	2.0	1,470	13.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.3	0.3%	1.2	2,062	1.1	2,965	6.5	1.2	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.3	0.0%	1.1	2,049	3.0	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	21.7	0.0%	1.1	1,530	1.4	3,438	6.3	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	50.5	0.2%	0.9	180	0.2	5,040	10.0	1.7	76.8%	17.2%
NTP	Nhựa	38.6	-1.5%	0.4	150	0.1	4,490	8.6	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.5	-0.6%	1.2	645	0.0	732	22.5	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.3	-0.9%	1.0	2,791	6.9	2,898	8.0	1.5	38.3%	19.9%
HSG	Thép	6.7	-0.3%	1.5	124	0.3	425	15.8	0.5	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	122.0	2.8%	0.8	9,237	3.5	5,465	22.3	7.5	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	285.0	2.9%	0.8	7,946	0.2	6,735	42.3	10.4	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	76.1	0.7%	1.2	3,868	1.6	3,304	23.0	2.8	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.1	1.9%	0.5	368	0.8	542	29.7	1.4	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	81.8	-0.2%	0.8	7,743	0.2	2,630	31.1	5.8	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.3	-1.0%	1.1	3,068	3.0	9,850	13.2	5.0	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	38.6	-1.5%	1.7	2,380	0.7	1,747	22.1	3.0	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.0	3.5%	0.8	361	2.0	1,888	14.8	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.4	0.0%	0.6	212	0.3	2,505	6.9	1.2	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.0	1.0%	0.9	614	2.4	7,458	12.1	4.6	2.7%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.7	-0.5%	0.9	365	0.1	1,333	14.0	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	0.0%	0.8	250	0.0	1,657	9.1	1.1	6.4%	11.7%
CTD	Xây dựng	101.9	-0.1%	0.7	338	0.1	13,465	7.6	1.0	49.0%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.2	-0.8%	1.1	503	0.2	1,307	20.0	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.0	-0.2%	0.5	226	0.2	485	43.3	1.0	52.4%	2.4%
POW	Điện	12.8	-0.8%	0.6	1,303	0.5	820	15.6	1.2	14.8%	7.8%
NT2	Điện	24.6	-0.8%	0.6	308	0.2	2,241	11.0	1.7	22.2%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	79.00	3.54	2.96	510330.00
VIC	121.00	2.02	2.37	327120.00
VNM	122.00	2.78	1.70	673120.00
SAB	285.00	2.89	1.52	15480.00
VHM	84.00	1.20	0.99	368870.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCS	90.00	1.01	0.03	608800.00
TVC	16.80	5.00	0.03	352300.00
L14	70.10	2.49	0.02	144100.00
DNP	15.00	2.04	0.02	1100.00
MBG	10.80	9.09	0.02	186600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLX	61.50	-1.44	-0.34	462000.00
HVN	38.60	-1.53	-0.25	420630.00
VJC	130.30	-0.99	-0.21	529870.00
HPG	23.25	-0.85	-0.16	6.88MLN
CTG	20.40	-0.49	-0.11	2.30MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.30	-1.56	-0.12	2.78MLN
NVB	7.10	-5.33	-0.11	473100.00
SHS	8.30	-2.35	-0.03	282100.00
PVS	20.30	-0.49	-0.03	2.37MLN
VIX	6.10	-4.69	-0.02	24100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	10.40	7.00	0.01	520.00
VIS	22.20	6.99	0.03	36050.00
HRC	48.65	6.92	0.03	10.00
PIT	5.57	6.91	0.00	240.00
HSL	9.29	6.90	0.00	1.03MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HBS	3.30	10.0	0.00	1100.00
VCM	40.20	9.8	0.00	100.00
VDL	23.80	9.7	0.01	100.00
NFC	5.80	9.4	0.00	200.00
CMC	6.00	9.1	0.00	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FTM	22.00	-6.98	-0.02	928000.00
SII	17.40	-6.95	-0.03	260.00
EMC	12.95	-6.83	0.00	3730.00
CCI	14.00	-6.67	-0.01	7010.00
CIG	1.96	-6.67	0.00	18300.00

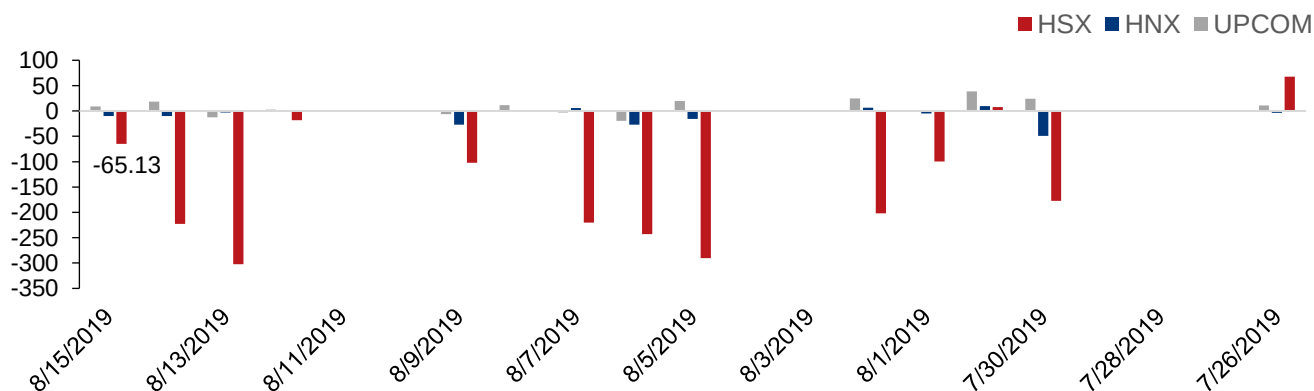
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VC9	8.30	-17.00	-0.01	400.00
SPI	0.80	-11.11	0.00	26800.00
ARM	54.00	-10.00	0.00	100.00
PPY	12.60	-10.00	0.00	300.00
QNC	2.70	-10.00	-0.01	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phen hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phen hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phen hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	52.7	5,276	10.0	2.8	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	28.7	4,234	6.8	1.0	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	21.7	3,438	6.3	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.8	3,181	5.6	1.5	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.7	425	15.8	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		49.0	4,314	11.4	3.4	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	76.1	3,304	23.0	2.8	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	158.9	7,716	20.6	10.7	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.0	1,888	14.8	1.4	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	120.0	7,893	15.2	5.1	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	31.2	3,751	8.3	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.7	1,433	5.4	0.4	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	84.0	18,452	4.6	1.7	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.6	1,294	16.7	1.7	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.3	3,481	5.3	1.2	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	18.2	2,655	6.9	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	53.0	4,349	12.2	2.7	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	23.4	3,149	7.4	1.2	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	36.2	8,518	4.2	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	23.0	2,589	8.9	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express FPT 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 59500 ; Giá tại Publish 50000 Năm 2019, BSC dự báo DTT và LNTT của FPT lần lượt đạt 26,808 tỷ (+15.5% YoY) và 4,609 tỷ (+19% YoY). EPS FW 2019 sẽ đạt 4,643 VND/cp (+19% YoY) (đã trích quỹ khen thưởng và phúc lợi). Catalyst bao gồm: tăng trưởng từ làn sóng Chuyển đổi số và tăng chuỗi giá trị dịch vụ từ các thương vụ Mua bán và Sắt nhập.
Express KBC 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 18150 ; Giá tại Publish 15400 Nửa cuối năm 2019 mảng KCN vẫn sẽ tiếp tục có khả năng tăng trưởng tốt nhờ vào 2 khu công nghiệp Quang Châu và Tân Phú Trung. KCN Nam Sơn Hạp Lĩnh có vị trí địa lý hấp dẫn thu hút khách thuê. Chúng tôi cho rằng ngay khi KCN này hoàn thành thủ tục pháp lý sẽ là nguồn cung mới thu hút cho KBC năm 2020.
Express NDN 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu N/A; Giá tại Publish 18300 Khả năng tăng trưởng lợi nhuận đột biến nhờ dự án Mornachy Block B. Trên BCTC bán niên 2019, khoản trả trước của người mua dự án này là 1,357.18 tỷ đồng. Tài chính lành mạnh, tỷ lệ sử dụng nợ vay thấp (24.2 tỷ, tương đương 1.2% tổng tài sản) nhờ chiếm dụng vốn từ các dự án bất động sản.
Express DIG 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 16000 ; Giá tại Publish 13050 Kết quả kinh doanh được kỳ vọng tăng tốc từ cuối năm 2019. BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận trước thuế năm 2019 của DIG lần lượt đạt 2,880 tỷ đồng (+17% yoy) và 553 tỷ đồng (+29.2% yoy) dựa trên giả định hạch toán (1) 20% phần còn lại dự án DIC-Phoenix (DT ước đạt 343 tỷ đồng), (2) Giả định hạch toán được 20% dự án GateWay (DT ước đạt 575 tỷ đồng) và (3) Dự án Nam Vĩnh Yên GD1 đóng góp khoảng 800 tỷ doanh thu.
Express PNJ 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 93400 ; Giá tại Publish 76300 BSC dự báo KQKD 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 16,180 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 1,193 tỷ đồng (+24% yoy), EPS cốt lõi FW 2019 = 5,089 đồng/cp, PE FW 2019 = 15.1 lần dựa trên các giả định (1) Biên lợi nhuận gộp năm 2019 ước đạt 21.6%, (2) SSSG cửa chuỗi vàng trang sức năm 2019 và 2020 lần lượt là 5% và 12% và (3) Số lượng cửa hàng mở mới dự kiến trong năm 2019 là 40 cửa hàng.



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.5%	0.2%	-0.4%	-2.4%	1.5%	3.1%	88.7%	140.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	1.5%	3.1%	1.7%	3.2%	2.9%	4.1%	73.6%	108.2%
Ngân hàng	1.1%	1.8%	0.2%	4.3%	3.6%	-0.9%	67.7%	130.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.8%	3.2%	5.1%	8.0%	7.8%	7.5%	76.2%	162.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	0.1%	-1.4%	0.1%	4.4%	10.7%	15.6%	170.9%
Dầu khí	-0.6%	-1.6%	-5.6%	-8.0%	3.7%	6.4%	9.7%	-20.1%
* Note	Danh mục MSCI frontier 100 Việt Nam hôm nay có hiệu suất ấn tượng +1.5% , so với mức tăng +1.1% của VNINDEX. Ngược lại, danh mục Dầu khí giảm nhẹ -0.6% trước biến động khó lường của giá dầu.							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 16	1.52%	2.34%	2.87%	5.74%	5.64%	9.28%	69.16%	150.14%
Danh mục 13	1.35%	1.90%	-0.87%	-0.46%	-1.38%	2.85%	30.40%	115.19%
Danh mục 15	1.15%	2.90%	3.98%	5.04%	3.38%	5.91%	69.00%	145.11%
Danh mục 4	0.43%	2.21%	-0.54%	2.88%	-0.04%	-4.37%	21.93%	74.81%
Danh mục 5	0.32%	0.89%	3.72%	3.00%	6.27%	8.04%	83.22%	163.53%
* Note	5/5 danh mục Mục tiêu đều có hiệu suất ngày tăng - khả quan							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	1.65%	0.37%	5.65%	9.80%	20.20%	43.04%	195.91%	229.01%
Danh mục 19	1.59%	2.89%	3.90%	5.31%	8.77%	11.58%	56.69%	126.55%
Danh mục 22	1.41%	5.36%	5.60%	8.67%	11.63%	6.37%	66.02%	156.83%
Danh mục 20	0.58%	0.03%	-2.32%	0.54%	-0.60%	8.96%	17.46%	160.15%
Danh mục 21	0.12%	1.21%	0.43%	1.85%	5.94%	3.22%	50.98%	59.42%
* Note	5/5 danh mục Rủi ro đều có hiệu suất ngày tăng - khả quan							
INDEX								
VNINDEX	1.1%	0.4%	-0.3%	0.3%	3.0%	1.9%	48.5%	62.1%
VN30INDEX	1.2%	1.7%	1.1%	0.0%	-0.8%	-6.0%	38.0%	38.1%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

